

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC QUYỂN 3

Uẩn Thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, Phần 2

Tụng Ốt-đà-nam thứ nhất, phần sau:

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la là có thể được, có thể chứng, các thứ hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bồ-đặc-già-la.

Luận về Tánh không đã hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, tức là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, có nói: Có ba thứ Bồ-đặc-già-la quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, đó là học Bồ-đặc-già-la, vô học Bồ-đặc-già-la và phi học phi vô học Bồ-đặc-già-la. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Và nói pháp cũng có ba thứ, tức là pháp học, pháp vô học và pháp phi học phi vô học. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Trước là phi học phi vô học Bồ-đặc-già-la, kế đến trở thành có học, đã thành có học rồi thì sau mới thành vô học. Đã thành vô học rồi lại trở thành có học Bồ-đặc-già-la. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Trước hết là pháp phi học phi vô học, kế đến thì thành có học. Khi đã thành có học rồi, sau đó mới thành vô học. Khi đã thành vô học rồi thì lại trở thành pháp có học.

Đáp rằng: Không đúng. Thầy hãy nghe kỹ không thì sẽ bị thua. Nếu trước tiên là phi học phi vô học sở Bồ-đặc-già-la, tiếp đến thành có học. Đã thành có học rồi sau đó rồi thành vô học. Thành vô học rồi lại thành

Có học Bồ-đặc-già-la. Vậy thì nên nói trước tiên là phi học và phi vô học pháp, tiếp đến thành có học. Đã thành có học rồi sau đó thành vô học. Thành vô học rồi lại thành học pháp. Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói trước tiên là pháp phi học phi vô học,

kế đến thì thành có học, khi đã thành có học, sau đó mới thành vô học; khi đã thành vô học rồi thì lại trở thành pháp có học, thì không nên nói trước hết là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kế đó thì thành có học; Khi đã thành có học, sau đó mới thành vô học. Khi đã thành vô học thì lại trở thành Bồ-đặc-già-la có học. Nếu nói trước hết là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kế đó thì thành có học. Khi đã thành có học rồi, sau đó mới thành vô học. Khi đã thành vô học thì lại trở thành Bồ-đặc-già-la có học. Như thế là không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Mạng sống của loài hữu tình có ngã được sinh ra, nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ không vui. Người ấy khi đã Tạo các nghiệp thuận vui rồi thì nhận lãnh thọ vui, khi đã Tạo các nghiệp thuận khổ rồi thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, và khi đã Tạo các nghiệp không khổ không vui rồi thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui.

Luận về Tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng: Chính mình Tạo ra nỗi khổ niềm vui? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra, nuôi lớn lên, thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la này nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, khi đã Tạo ra các nghiệp thuận khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, và khi đã Tạo ra các nghiệp thuận không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui. Thế nên nói chính mình Tạo ra khổ vui. Như thầy nói lời ấy là không đúng đạo lý. Còn như thầy không nói chính mình Tạo ra khổ vui thì không nên nói là mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra, nuôi lớn lên, thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận vui thì sẽ nhận lãnh thọ vui, khi Tạo ra các nghiệp thuận khổ thì sẽ nhận lãnh thọ khổ, khi đã Tạo ra các nghiệp thuận không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh cái thọ không khổ không vui. Nói mạng sống của loài hữu tình có ngã được sanh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la này cho nên có thể Tạo ra các nghiệp, hoặc là thuận thọ vui, hoặc là thuận thọ khổ, hoặc là thuận thọ không khổ không vui. Khi

người ấy Tạo ra nghiệp thuận thọ vui rồi sẽ nhận lãnh thọ vui, Tạo ra nghiệp thuận thọ khổ rồi sẽ nhận lãnh thọ khổ, Tạo ra nghiệp thuận thọ không Khổ không vui rồi sẽ nhận lãnh thọ không Khổ không vui. Nếu nói như thế thì không đúng đạo lý.

Còn như nói tự mình Tạo ra khổ vui. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, theo như Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì ông Siêm-bộ-lư đi xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư đã nhận lãnh các thứ ham muốn (hữu dục) nên tự mình đã Tạo ra khổ vui. Chuyện về Siêm-bộ-lư Ta không nói hết. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Thầy hãy nghe kỹ kẻ lại bị xem là tranh luận thua. Nếu tự mình gây ra khổ vui, thì không nên nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày có kể: Vì ông Siêm-bộ-lư đi xuất gia cho nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư đã nhận lãnh các thứ ham muốn, đã tự Tạo ra các khổ vui. Chuyện về Siêm-bộ-lư Ta không nói hết. Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nếu nay thầy nói việc Siêm-bộ-lư như vừa kể trên, thì không nên nói tự mình Tạo ra các khổ vui, vì nói tự mình Tạo ra các khổ vui thì không đúng đạo lý.

Còn như nói thế này: Ông ấy đã Tạo ra khổ vui, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, như nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có kể: Vì Siêm-bộ-lư xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư nhận lãnh khác, nếu có ham muốn thì khiến ông Tạo ra các khổ vui, việc của Siêm-bộ-lư đây Ta không nói hết... Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu ông ấy Tạo ra các khổ vui, thì không nên nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày nói: Vì Siêm-bộ-lư xuất gia, nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư nhận lãnh khác, các thứ tham dục khiến ông ấy Tạo ra các khổ vui, việc ông Siêm-bộ-lư đây Ta không nói hết... Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày có nói: Vì Siêm-bộ-lư xuất gia, nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư đã nhận lãnh khác biệt về các thứ ham muốn, khiến ông Ta Tạo ra các khổ vui, việc Siêm-bộ-lư Ta không nói hết..., thì không nên nói ông ấy Tạo ra các khổ vui. Nếu nói ông ấy Tạo ra các khổ vui, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Mạng sống của loài hữu tình có ngã được sinh ra, nuôi lớn lên, thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên Tạo ra các nghiệp hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận

thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo các nghiệp thuận vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, khi Tạo các nghiệp thuận khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, khi đã Tạo các nghiệp không khổ không vui thì sẽ nhận được các thọ không khổ không vui.

Luận về Tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không: Đây làm đây chịu? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra và nuôi lớn thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận thọ vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, khi đã Tạo ra các nghiệp thuận thọ khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, khi đã Tạo các nghiệp thuận với thọ không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui..., thì nên nói đây làm đây chịu. Lời thầy nói đó thì không đúng đạo lý. Còn nếu như thầy không nói là đây làm đây chịu, thì không nên nói có mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra, nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận với thọ vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, nếu Tạo ra các nghiệp thuận với thọ khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, nếu Tạo ra các nghiệp thuận với thọ không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui. Nói mạng sống của loài hữu tình có ngã được sanh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la cho nên có thể Tạo ra các nghiệp, hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người kia Tạo ra nghiệp thuận với thọ vui rồi thì nhận lãnh thọ vui, Tạo ra nghiệp thuận với thọ Khổ rồi thì nhận lãnh thọ Khổ, Tạo ra nghiệp thuận với thọ không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh cái thọ không khổ không vui. Như vừa nêu trên thì không đúng đạo lý.

Nếu cứ nói là đây làm đây chịu, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một vị Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, đây làm đây chịu là rơi vào thường biên. Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy nên nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu đây làm đây chịu, thì không nên nói là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một vị Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, đây làm đây chịu là rơi vào Thường biên. Lời thầy nói đó không

đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, đây làm đây chịu là rơi vào Thường biên, thì không nên nói là đây làm đây chịu. Nếu nói đây làm đây chịu, thì không đúng đạo lý.

Nếu nói: Người khác làm người khác chịu, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, người khác làm người khác chịu, đó là rơi vào Đoạn biên. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Thầy hãy nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu người khác làm người khác chịu, thì không nên nói là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, người khác làm người khác chịu là rơi vào Đoạn biên. Thầy nói điều đó là không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, người khác làm người khác chịu đó là rơi vào Đoạn biên, thì không nên nói là người khác làm người khác chịu. Nếu nói người khác làm người khác chịu, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Mạng sống của loài hữu tình có ngã được sinh ra nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên đối với những việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp đã có được, đã tìm cầu, rồi để Tâm theo, luôn theo dõi suy nghĩ tìm xét.

Luận về Tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng, tức là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì Bí-sô Bốn-mục-lư-át-lý-sắt-tra nên nói: Đây thầy Bí-sô, đối với những việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp, đã có được, đã tìm cầu, rồi để Tâm theo dõi, thường suy nghĩ tìm hiểu thì thấy Tất cả đều không phải là ngã, ngã sở, cũng không phải là cái ngã của Ta, phải nên dùng chánh tuệ để nhìn thấy đúng thật như vậy. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy nên nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu hữu tình có mạng sống có ngã, được sinh ra và nuôi lớn thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên đối với những việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp đã có được, đã tìm cầu, rồi để Tâm theo dõi, luôn suy nghĩ tìm xét..., thì không nên nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, có nói: Vì Bí-sô Bốn-mục-lư-át-lý-sắt-tra nên nói: Đây Bí-sô, đối với những việc thấy, nghe, hiểu biết về các pháp, đã có được, đã tìm cầu, rồi để ý theo dõi tìm xét thì thấy Tất cả

đều không phải là ngã, ngã sở, cũng không phải là ngã của mình, phải nên dùng chánh tuệ để nhìn thấy đúng thật như thế... Thầy nói lời ấy thì không đúng đạo lý. Nay nếu thầy cũng nói đúng như các lời vừa nói trên, thì không nên nói là có mạng sống của hữu tình có ngã được sinh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên đối với những việc thấy nghe, hiểu biết về các pháp, đã có được, đã tìm cầu, để ý theo dõi, tìm xét..., mà nói hữu tình có mạng sống, có ngã, được sinh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la, cho nên đối với các việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp đã có được, đã tìm cầu và luôn theo dõi tìm xét..., thì không đúng đạo lý.

Uẩn Thứ 2: BỒ ĐẶC GIÀ LA, Phần 3

Tụng Ốt-đà-nam thứ hai:

*Nói Từ duyên vào đâu?
Thức thân cùng niệm trụ,
Các giác chi đạt được,
Hữu vi và vô vi.*

Người luận về Tánh không thì nói: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la không phải là có thể được, không phải là có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la hỏi: Nay thầy, lòng Từ duyên với cái gì? Đáp: Trong các pháp Tánh, Tất cả mọi thứ đều có đầy đủ, do đó mà có đủ các thứ tướng rồi giả nói là có loài hữu tình. Theo nghĩa ở đây thì lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau.

Người ấy hỏi: Thầy nói là lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau phải chăng? Đáp: Đúng như vậy.

Thầy có cho điều này là đúng chẳng, nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy, trình bày có nói: Phải làm cho các loài hữu tình đều có đầy đủ các thứ an vui, cứ suy nghĩ như thế và nhập Tam-muội Từ ... Người này đáp: Đúng như thế.

Bấy giờ người kia nói: Thầy hãy nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau thì không nên nói theo nơi Khế kinh Phật nói: Phải làm cho các loài hữu tình luôn được an vui. Nếu suy nghĩ như thế và nhập Tam-muội Từ thì không nên

nói là lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau. Vì nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn luôn nối tiếp nhau thì không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày có nói: Có sáu thức thân, đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức...?

Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy, thế thì lòng Từ cùng tương ứng với thức nào của thân? Với nhãn thức, hay nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức? Nếu nói nó tương ứng với nhãn thức, tức là nó không duyên với loài hữu tình đó, vì nhãn thức thì chỉ duyên với sắc mà thôi. Nếu nói nó tương ứng với nhĩ thức, tức là nó không duyên với loài hữu tình đó, vì nhĩ thức chỉ duyên với tiếng mà thôi. Nếu nói nó tương ứng với tỷ thức, tức là nó không duyên với loài hữu tình đó, vì tỷ thức chỉ duyên với hương. Nếu nói nó tương ứng với thiệt thức, tức là nó không duyên với hữu tình đó, vì thiệt thức chỉ duyên với vị. Nếu nói nó tương ứng với thân thức, tức là nó không duyên với hữu tình đó, vì thân thức chỉ duyên với xúc. Nếu nói là nó tương ứng với ý thức, tức là nó không duyên với hữu tình ấy, vì ý thức chỉ duyên với pháp mà thôi. Nếu nói nó không tương ứng với cả các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... tức là lòng Từ chỉ tương ứng với thức thứ bảy của loài hữu tình đó. Về thức thứ bảy này thì Đức Thế Tôn không hiện bày sự hiểu biết. Này thầy, Đức Thế Tôn ở trong pháp vô úy có nói thế này: Ta đối với các pháp hiện bày sự hiểu biết đúng nhất. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hay Thiên ma, Phạm chí v.v... đúng như pháp mà hỏi han, vấn nạn đều khiến luôn ghi nhớ. Đối với các pháp mà Ta không hiện bày sự thấy biết đúng đắn, vì nó không duyên với chánh kiến của Ta. Khi nó không duyên thì Ta luôn được an ổn, không có sợ sệt nào cả. Khi đó Ta tự xưng là bậc Đại tiên cao quý đang chuyển Đại pháp luân, là tể tướng lớn của sư tử ở giữa đại chúng.

Này thầy, nếu như thế thì há chẳng có kẻ vấn nạn cho Phật là vô trí sao?

Này thầy, Ta không hề vấn nạn bảo Phật là kẻ vô trí, vì Đức Thế Tôn đối với việc đó đã hiện bày sự hiểu biết đầy đủ, nhưng không tuyên bố ra mà thôi. Này thầy, Đức Thế Tôn đã từng nói với thầy A-nan-đà: Này thầy A-nan-đà, đối với các pháp Ta luôn giảng dạy không hề ngưng nghỉ gián đoạn, như các pháp bốn niệm xứ, bốn chánh đạo, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo...

Này thầy A-nan-đà, Như Lai đối với các pháp không hề là bậc thầy nắm chắc bàn Tay, nghĩa là tự mình che giấu sợ người khác biết điều không hiểu biết của mình.

Này thầy, nếu như thế thì đâu có thắc mắc cho Phật là bậc thầy còn giấu giếm? Người ấy nói: Này thầy, tôi không hề thắc mắc vấn nạn cho Phật là kẻ vô trí, tôi cũng không thắc mắc cho Phật là bậc thầy còn giấu giếm, vì đối với các pháp, dù Đức Thế Tôn đều hiểu biết rõ, nhưng không tuyên bố nói ra. Này thầy, Đức Thế Tôn có nói trong kinh Thăng Nhiếp Ba Lâm: Này các thầy Bí-sô, cho đến khắp cả đại địa nhiều như số lá cây nơi rừng Thăng Nhiếp Ba, đối với các pháp đó Ta đều tự nhiên nhận biết, tuy hiện bày sự giác ngộ nhưng không nói cho người khác. Thế nên Đức Thế Tôn biết cả, dù biết rõ nhưng không nói ra.

Nên hỏi người ấy: Này thầy, ở đoạn kinh đó không có nói thêm điều gì khác nữa chăng?

Ấy là như Đức Thế Tôn nói: Này các Bí-sô, trong những pháp ấy không dẫn Ta đến các nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó cũng không đưa Ta đến phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông, không giúp Ta chứng được bậc Đăng giác hay chứng được quả vị Niết-bàn.

Giả như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, cũng không thể dẫn đưa Ta đến nghĩa lý nào, sự tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó cũng không đưa Ta đến phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông hay bậc Đăng giác, cũng không giúp Ta chứng được quả vị Niết-bàn, tức là không có chỗ dừng, là vô dụng. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Người luận về Tánh không thì nói: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa hơn hết, Bồ-đặc-già-la không phải là có thể được, không phải là có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la liền hỏi: Này thầy, lòng Từ duyên vào đâu? Đáp: Những pháp Tánh, các thứ có đều có, do các tướng đều tướng nên mượn nhờ đó mà nói có hữu tình. Với nghĩa ở đây thì lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau.

Người ấy hỏi: Thầy nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nhau đấy chăng? Đúng vậy.

Người ấy lại hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy, có nói: Phải làm thế nào khiến cho các loài hữu tình luôn được đầy đủ an vui, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ? Đáp: Đúng vậy.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu lòng Từ

duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau thì không nên nói theo nơi các Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Phải khiến cho các loài hữu tình được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ ... Vì thầy nói điều đó là không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy, nói: Phải khiến cho Tất cả các loài hữu tình luôn được an vui đầy đủ, cứ nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ..., thì không nên nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau, vì nó không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Có bốn niệm trụ, đó là thân niệm trụ, thọ niệm trụ, Tâm niệm trụ và pháp niệm trụ? Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy, lòng Từ đã tương ứng với niệm trụ nào? Nó tương ứng với thân niệm trụ, hay thọ, hay Tâm, hay pháp niệm trụ? Nếu nói nó tương ứng với thân niệm trụ tức là nó không duyên với hữu tình, vì thân niệm trụ chỉ duyên với thân. Nếu nói nó tương ứng với thọ niệm trụ thì nó không duyên với hữu tình, vì thọ niệm trụ chỉ duyên với thọ. Nếu nói nó tương ứng với Tâm niệm trụ, thì nó không duyên với hữu tình, vì Tâm niệm trụ chỉ duyên với Tâm. Nếu nói nó tương ứng với pháp niệm trụ, thì nó không duyên với hữu tình, vì pháp niệm trụ chỉ duyên với pháp. Còn nếu nói nó không tương ứng cả với bốn niệm trụ thân, thọ, Tâm, pháp..., tức là lòng Từ đã tương ứng với niệm trụ thứ năm của hữu tình. Niệm trụ đó Đức Thế Tôn không chỉ rõ cho biết.

Này thầy, Đức Thế Tôn đối với pháp vô úy có nói: Đối với các pháp Ta đều hiện bày sự hiểu biết đúng đắn. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào hoặc là Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp mà vẫn nạn, đều khiến luôn nhớ nghĩ đến. Đối với các pháp đó Ta không chỉ rõ sự thấy biết đúng, vì chúng không duyên với chánh kiến của Ta. Khi nó không duyên thì Ta luôn được an ổn, không có sự sợ sệt nào cả. Khi đó, Ta tự xưng là bậc Đại tiên cao quý đang chuyển Đại phạm luân, là tiếng gầm lớn của sư tử ở giữa đại chúng.

Này thầy, như thế thì há không có kẻ vẫn nạn bảo Phật là vô trí?

Người ấy nói: Này thầy, Ta không hề vẫn nạn thắc mắc bảo Phật là kẻ vô trí. Vì Đức Thế Tôn đối với việc đó đã hiểu biết đầy đủ, nhưng lại không nói ra mà thôi. Này thầy, Đức Thế Tôn đã từng nói với thầy A-nan-đà: Này A-nan-đà, đối với các pháp môn Ta luôn tuyên nói giảng dạy không hề gián đoạn, ngưng nghỉ, như các pháp bốn niệm trụ, bốn

chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo v.v... Nay thầy A-nan-đà, Như Lai đối với các pháp không hề giấu giếm như bậc thầy nắm chắc bàn Tay để tự mình luôn che giấu, sợ người khác biết được chỗ không hiểu biết của mình.

Này thầy, nếu như thế há lại chẳng có kẻ vẩn nạn thối mắc Phật còn giấu giếm? Người ấy nói: Nay thầy, tôi không hề thối mắc vẩn nạn cho Phật là kẻ vô trí, cũng không vẩn nạn cho Phật là có giấu giếm, vì Đức Thế Tôn đối với các pháp đó đều hiện sự hiểu biết rõ ràng nhưng lại không nói ra. Nay thầy, Đức Thế Tôn có nói trong kinh Thắng Nhiếp Ba Lâm: Nay các thầy Bí-sô, cho đến đại địa nhiều như số lá cây nơi rừng Thắng Nhiếp Ba, đối với các pháp đó Ta đều tự nhiên hiểu biết rõ ràng, tuy hiện biết rõ nhưng không nói cho người khác. Thế nên Đức Thế Tôn đối với các niệm trụ đó dù đã biết rõ nhưng không nói ra.

Nên hỏi người ấy: Nay thầy, ở đoạn kinh đó không nói thêm điều gì khác nữa hay sao? Ấy là như Đức Thế Tôn nói: Nay các vị Bí-sô, các pháp ấy không dẫn Ta đến các nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào, nó cũng không đưa Ta đến phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông, hay chứng được bậc Đăng giác, hay chứng được quả vị Niết-bàn. Giả sử như có loại Bồ-đặc-già-la như thế thì cũng không thể dẫn Ta đến nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó không giúp Ta chứng được thần thông, chứng được bậc Đăng giác, hay chứng được quả vị Niết-bàn, tức là nó không có chỗ dùng, là vô dụng. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Tánh không thì nói: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên nói không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la liền hỏi: Nay thầy, lòng Từ duyên vào đâu? Đáp: Các thứ pháp Tánh, những thứ có đều có, do các tướng đều tướng nên nhờ đó mà nói có loại hữu tình. Với nghĩa ở đây thì lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau.

Người ấy hỏi: Thầy nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nhau đấy chẳng? Đáp: Đúng vậy.

Người ấy hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Phải khiến cho Tất cả loài hữu tình luôn được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ? Người này đáp: Đúng như thế.

Người ấy nói: Thầy nên nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua.

Nếu lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau thì không nên nói: Theo các Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày, giảng dạy có nói: Phải khiến cho các loài hữu tình được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ. Vì thầy nói như thế là không đúng đạo lý.

Nay nếu thầy nói theo Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Phải khiến cho các loài hữu tình luôn được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ..., thì không nên nói Tâm từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau, vì không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, tức là theo nơi Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy, có nói: Có bảy giác chi là Niệm, Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác chi?

Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy, lòng Từ sẽ tương ứng với giác chi nào? Tương ứng với Niệm hay Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác chi?

Nếu nói lòng Từ tương ứng với Niệm giác chi thì nó không duyên với hữu tình, vì Niệm giác chi chỉ duyên với pháp.

Nếu nói lòng Từ tương ứng với Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh an, Định Xả v.v... thì nó không duyên với hữu tình, vì các giác chi như Xả v.v... chỉ duyên với pháp.

Nếu nói nó không tương ứng với Niệm v.v... như bảy giác chi, tức là lòng Từ đã tương ứng riêng với giác chi thứ Tám của loài hữu tình. Thứ giác chi này Đức Thế Tôn không chỉ cho biết.

Này thầy, trong pháp vô úy, Đức Thế Tôn có nói: Đối với các pháp Ta đều hiện bày sự hiểu biết rõ ràng. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào hay Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp mà vẫn nạn, thắc mắc đều khiến luôn nhớ nghĩ. Đối với các pháp Ta không hiện bày sự hiểu biết rõ ràng, vì những sự thấy biết đó không duyên với chánh kiến của Ta. Khi nó không duyên thì Ta luôn được an ổn, không có sự sợ sệt nào cả. Khi đó Ta tự xưng là bậc Đại tiên cao quý đang chuyển Đại phạm luân, là tiếng gầm lớn của sư tử ở giữa đại chúng.

Này thầy, nếu như thế thì há chẳng có kẻ vẫn nạn thắc mắc bảo Phật là vô trí?

Người ấy nói: Này thầy, Ta không hề vẫn nạn, thắc mắc bảo Phật là kẻ vô trí, vì Đức Thế Tôn đối với các việc đó đã hiện bày sự hiểu biết rõ ràng, nhưng lại không nói ra mà thôi.

Này thầy, Đức Thế Tôn đã từng nói với thầy A-nan-đà: Này thầy A-nan-đà, đối với các pháp Ta hiện đang tuyên nói, giảng dạy không hề gián đoạn ngưng nghỉ, như các pháp bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo v.v... Này thầy A-nan-đà, Như Lai đối với các pháp không hề giấu giếm, như kẻ che giấu sợ người khác biết điều không hiểu biết của mình.

Này thầy, nếu như thế thì há chẳng có kẻ vấn nạn thắc mắc cho Phật là có giấu giếm? Người ấy nói: Này thầy, tôi không hề vấn nạn thắc mắc cho Phật là kẻ vô trí, cũng không vấn nạn bảo Phật là có giấu giếm. Vì Đức Thế Tôn đối với các pháp đó đều hiện bày sự hiểu biết rõ ràng, nhưng lại không nói ra. Này thầy, Đức Thế Tôn có nói trong kinh Thắng Nhiếp Ba Lâm: Này các thầy Bì-sô, cho đến khắp cả đại địa nhiều như số lá cây ở rừng Thắng Nhiếp Ba, đối với các pháp ở đó Ta đều tự nhiên hiểu biết rõ ràng. Tuy hiện hiểu biết rõ, nhưng lại không nói cho ai biết. Thế nên Đức Thế Tôn đối với các giác chi ấy đã hiện bày sự hiểu biết rõ ràng nhưng không nói ra.

Nên hỏi người ấy: Này thầy, ở đoạn kinh đó lại không có nói thêm điều gì khác nữa chẳng? Ấy là Thế Tôn có nói: Này các thầy Bì-sô, vì các pháp đó không dẫn Ta đến các nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào cả, nó cũng không đưa Ta đến với phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông, hay chứng được bậc Đăng giác, cũng không giúp Ta chứng được quả vị Niết-bàn. Giả sử như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, thì cũng không thể dẫn đưa Ta đến những nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó cũng không giúp Ta chứng được thần thông, hay chứng được bậc Đăng giác, hoặc chứng được quả vị Niết-bàn, tức là nó không có chỗ dùng, là vô dụng. Thế nên nói là không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la liền nói: Hữu vi có thể đạt được, vô vi có thể đạt tới được, Bồ-đặc-già-la cũng có thể đạt được.

Người luận về Tánh không thì hỏi: Này thầy, Bồ-đặc-già-la đó, phải nói là hữu vi hay là vô vi? Nếu nói là hữu vi thì phải được thành lập giống như hữu vi, nghĩa là có sinh diệt, có trụ lại và có đổi khác. Nếu nói là vô vi thì phải được thành lập giống như vô vi, tức là không có sinh diệt, không có trụ lại và đổi khác. Này thầy, Đức Thế Tôn nói các thầy Bì-sô biết: Có hai vật: Một là Hữu vi, hai là Vô vi, ngoài ra không có một vật nào khác. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Uẩn Thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, Phần 4

Tụng Ốt-đà-nam thứ ba:

*Bổ-đặc-già-la không có Không,
Các pháp hòa hợp mỗi thứ Tạo,
Bao câu sinh biết do hai thức,
Tâm Tánh vô thường rõ ái duyên.*

- Có sáu thức thân: Đó là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên, sinh ra nhãn thức. Như thế thì nhãn thức chỉ biết được các sắc, chứ không phải là Bổ-đặc-già-la. Vì Bổ-đặc-già-la này không phải là nhãn thức để nhận biết. Chỉ có các sắc là đối tượng nhận biết của nhãn thức. Thế nên nhãn thức này không phải là Bổ-đặc-già-la thức. Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ đó hòa hợp nhau lại nên có xúc. Như thế thì nhãn thức chỉ có thể tiếp xúc được các sắc, nó không phải là Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la này không phải là chỗ tiếp xúc của nhãn thức chỉ có các sắc là chỗ tiếp xúc của nhãn thức. Thế nên nhãn thức đây không phải là Bổ-đặc-già-la xúc.

Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nhau cho nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Như thế thì nhãn thức đã sinh ra thọ, nên chỉ có thể thọ nhận được các sắc, chứ không phải Bổ-đặc-già-la. Loại Bổ-đặc-già-la này không phải là do nhãn thức sinh ra hay thọ nhận biết, mà chỉ có các sắc mới do nhãn thức sinh ra và các thọ nhận lãnh. Thế nên chính nhãn thức sinh ra thọ chứ không phải Bổ-đặc-già-la xúc sinh ra thọ. Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ là mắt- sắc- thức, hòa hợp lại mà có xúc. Xúc làm duyên sinh ra tưởng. Như vậy thì nhãn thức sinh ra tưởng và chỉ có thể tưởng được các sắc chứ không phải là Bổ-đặc-già-la. Nhãn thức sinh ra các tưởng và chỉ nghĩ tưởng tới các sắc chứ không phải nghĩ tưởng tới Bổ-đặc-già-la. Thế nên nhãn thức sinh ra các tưởng chứ không phải Bổ-đặc-già-la sinh ra các tưởng.

Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại nên có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tư (suy nghĩ). Như thế là nhãn thức sinh ra tư, chỉ có thể suy nghĩ đến các sắc chứ không phải Bổ-đặc-già-la. Nhãn thức sinh ra tư để suy nghĩ về các sắc chứ không phải suy nghĩ về Bổ-đặc-già-la. Thế nên nhãn thức sinh ra tư, chứ không phải Bổ-đặc-già-la xúc sinh ra tư.

Do các pháp như thế nên xúc là Bổ-đặc-già-la thứ năm, không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều

có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, thức... cũng vậy.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Trong đó, hoặc là mắt, là sắc, là nhãn thức đều không phải là Bồ-đặc-già-la, mà chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp nên sinh ra xúc. Trong đó, hoặc là mắt hay sắc hay nhãn thức, hay nhãn xúc đều không phải là Bồ-đặc-già-la, mà chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc.

Lại, do mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp mà có xúc. Do xúc làm duyên nên có thọ. Trong đó, hoặc là mắt hay sắc, hay nhãn thức, hay nhãn xúc sinh ra thọ đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên có thọ.

Lại, do mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp mà có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Trong đó hoặc là mắt hay sắc, hay nhãn thức, hay nhãn xúc sinh ra tưởng... đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra tưởng.

Lại, do mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp mà có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tư. Trong đó, hoặc là mắt hay sắc, hay nhãn thức, hay nhãn xúc sinh ra tư đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tư. Do các pháp đó mà xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

- Có sáu thức thân: Đó là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Trong đó, mắt sinh, sắc sinh mà nhãn thức không sinh, như thế là không thể được. Còn mắt sinh, sắc sinh và nhãn thức cũng sinh thì có thể được. Nếu trong đó mắt diệt, sắc diệt, mà nhãn thức không diệt là không thể được, còn mắt diệt, sắc diệt mà nhãn thức cũng diệt thì có thể được.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp nên sinh ra xúc. Trong đó, mắt có sinh, sắc có sinh, nhãn thức có sinh mà nhãn xúc không sinh thì không thể được. Còn mắt có sinh, sắc có sinh, nhãn thức và nhãn xúc cũng sinh như thế là có thể được. Trái lại

mất, sắc, nhãn thức diệt mà nhãn xúc không diệt thì không thể được. Còn như mất, sắc, nhãn thức diệt mà nhãn xúc cũng diệt thì có thể được.

Lại, mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp mà có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Trong đó, mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh mà nhãn xúc sinh ra thọ lại không sinh thì không thể được. Trái lại mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cả nhãn xúc sinh ra thọ đều sinh thì có thể được. Còn trong đó mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt còn nhãn xúc sinh ra thọ lại không diệt thì không thể được. Nếu mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra thọ đều diệt thì có thể được.

Lại, mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Trong đó mất, sắc, nhãn thức nhãn xúc đều sinh mà nhãn xúc sinh ra tưởng lại không sinh, như thế là không được. Còn mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra tưởng đều sinh thì có thể được. Trong đó, nếu mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt, nhưng nhãn xúc sinh ra tưởng không diệt thì không thể được. Còn như mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra tưởng đều diệt thì là có thể được.

Lại, mất, sắc cùng làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tư. Trong đó mất, sắc, nhãn thức nhãn xúc đều sinh mà nhãn xúc sinh ra tư không sinh, như thế là không thể được. Còn mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cả nhãn xúc sinh ra tư đều sinh thì có thể được. Nếu trong đó mà mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt, nhưng nhãn xúc sinh ra tư lại không diệt, như thế là không thể được. Còn Tất cả mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra tư đều diệt cả thì là có thể được.

Các pháp như thế, xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, cùng sinh cùng trụ và cùng diệt. Khi một cái sinh thì Tất cả cùng sinh, khi một cái diệt thì Tất cả cùng diệt. Do các pháp này mà xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

- Có sáu thức thân: Tức là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như thế thì nhãn thức là có thể nhận biết các sắc, chứ không phải là xúc, thọ, tưởng, tư. Do tướng có thể nhận biết thì đó là nhãn thức.

Lại, mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại

nên có xúc. Như thế là nhãn xúc luôn luôn tiếp xúc với các sắc, không phải là thọ, tưởng, tư, thức. Do tướng luôn luôn tiếp xúc thì đó là nhãn xúc.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Như thế là nhãn xúc sinh ra thọ luôn luôn nhận biết xúc cảm các sắc, mà không phải là tưởng, tư, thức, xúc. Do tướng luôn luôn nhận biết xúc cảm thì đó là thọ do xúc sinh ra.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Như thế thì tưởng do nhãn xúc sinh ra luôn luôn nghĩ tưởng các sắc, chứ không phải là tư, thức, xúc, thọ. Do cái tướng hay tưởng nghĩ thì đó là cái tướng do xúc sinh ra.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp lại nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tư. Như thế thì tư là do nhãn xúc sinh ra luôn luôn suy nghĩ đến các sắc, chứ không phải là thức, xúc, thọ, tưởng. Do cái tướng luôn luôn suy nghĩ, thì đó là tư do nhãn xúc sinh ra.

Các pháp như thế, nên xúc là cái thứ năm đồng sinh, đồng trụ và đồng diệt. Khi một cái sinh ra thì Tất cả đều sinh, khi một cái diệt đi thì Tất cả đều diệt. Khi đã sinh khởi rồi thì mỗi cái đều đảm trách riêng nhiệm vụ, việc làm của mình mà không làm công việc của cái khác được. Do các pháp này mà xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Hỏi: Nhãn thức phân biệt hiểu biết những gì và không phân biệt hiểu biết những gì?

Đáp: Nhãn thức phân biệt và hiểu biết các sắc và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia, cũng như thế Ta có:

Nhĩ thức phân biệt hiểu biết các tiếng và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Tỷ thức phân biệt hiểu biết các mùi thơm- thối, và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Thiệt thức phân biệt hiểu biết các vị (mặn, ngọt) mà không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Thân thức phân biệt hiểu biết các đụng chạm và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Hỏi: Ý thức phân biệt hiểu biết những gì?

Đáp: Ý thức phân biệt hiểu biết về mắt, các sắc và nhãn thức; về Tai, các tiếng và nhĩ thức; về mũi, các mùi và tỷ thức; về lưỡi, các vị và thiệt thức; về thân, sự đụng chạm và thân thức; về ý, các pháp và ý thức. Như vậy đối với sáu thức của thân thì ý thức luôn luôn phân biệt hiểu biết. Nó có tính chất luôn luôn phân biệt hiểu biết chứ không phải là có tính chất không phân biệt. Bồ-đặc-già-la thì không có tính chất phân biệt hiểu biết như thế. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

- Có mười hai xứ: Đó là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Hỏi: Nhãn xứ có bao nhiêu thức nhận biết..., cho đến pháp xứ có bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Sắc xứ có hai thức nhận biết, đó là nhãn thức và ý thức. Thanh xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là nhĩ thức và ý thức.

Hương xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là tỷ thức và ý thức.

Vị xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là thiệt thức và ý thức.

Xúc xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là thân thức và ý thức. Còn bảy xứ khác thì chỉ có ý thức là nhận biết mà thôi. Như thế là mười hai xứ. Đó là thức có tính chất nhận biết chứ không phải là không có tính chất nhận biết. Còn Bồ-đặc-già-la lại không có tính chất như thế, cho nên nói không có Bồ-đặc-già-la.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp lại nên có xúc, và xúc cùng sinh ra có thọ, tưởng, tư. Do các pháp này nên xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... cũng như thế.

Đối với các sự việc mến ưa, yêu thích đều do vô trí, nên sinh ra các tham. Ở đây gọi vô trí là vô minh, gọi các tham là hành, gọi sự phân biệt hiểu biết sự tướng là thức. Thức cùng đi chung với bốn uẩn gọi là danh sắc. Các căn nương vào danh sắc tức là lục xứ. Lục xứ hòa hợp tức là có xúc. Ở đây sự nhận lãnh do tiếp xúc mà có gọi là thọ, nếu thọ nhận có vui mừng thích thú tức là ái. Ái Tăng mạnh và giữ lấy nên gọi là thủ. Vì thủ nên Tạo ra các nghiệp khiến có đời sau nên gọi là hữu. Khi các

uẩn hiện khởi thì gọi là sinh, khi các uẩn già chín gọi là lão, khi các uẩn rời rã Tan lìa thì gọi là chết. Ở trong lòng bứt rứt nóng nảy thì gọi là sầu buồn. Khi lên tiếng oán than trách móc, thì gọi là than. Khi năm thức tương ứng với thọ không bình an thì gọi là khổ, khi ý thức tương ứng với thọ không bình an thì gọi là âu lo. Khi Tâm bị rối rắm, buồn rầu không yên thì gọi là nhiễu não. Và Tất cả cùng khởi lên thì gọi là sinh.

Nói như thế, tức là chỉ bày, làm sáng tỏ bằng lời nói rõ ràng, các sự việc có thể sinh khởi, gọi đó là sự Tập hợp, chứa nhóm. Còn thuần, nghĩa là chỉ mức độ cuối cùng, rốt ráo đầy đủ.

Uẩn khổ lớn, nghĩa là cái Tai ương họa nạn lớn nhất, sự ngang trái lo rầu to nhất, tức là các khổ sở đau buồn chiếm phần lớn cuộc đời này.

Lại, vì các vô minh chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, làm nhân duyên cho các hành sinh khởi, nên có các thứ như hành tùy phước, hành tùy phi phước, hành tùy bất động. Các hành như thế chưa đoạn dứt, chưa biết rõ làm nhân duyên sinh khởi ra các thức, sinh vào các cõi thiện, hoặc các cõi dữ. Các thức đó chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, làm duyên sinh khởi ra danh sắc, tức là cái thân xác ở đời này hoặc ở đời sau. Danh sắc như thế chưa được cắt đứt và biết khắp, làm duyên sinh khởi ra lục xứ tức là sáu căn, hoặc có đầy đủ hoặc không đầy đủ sáu thứ ấy. Lục xứ hòa hợp nên có xúc. Và tùy theo sự nhận lãnh khi tiếp xúc mà có các thọ. Khi thọ sinh ra vui thích nên có ái. Khi mến yêu quá thì sinh ra sự muốn giữ lấy, tức là thủ. Chính thủ hay chiêu cảm các nghiệp khiến có đời sau, nên gọi là hữu. Khi các uẩn hiện khởi thì gọi là sinh, khi các uẩn thành thực thì gọi là già, khi các uẩn rã rời lìa Tan thì gọi là chết. Trong lòng bứt rứt nóng nảy thì gọi là buồn rầu, nếu lên tiếng oán than trách móc thì gọi là than. Khi năm thức tương ứng với các thọ không bình an thì gọi là khổ, còn ý thức tương ứng với thọ không bình an thì gọi là âu lo, khi Tâm người ấy rối rắm buồn rầu không yên thì gọi là nhiễu não. Các thứ cùng khởi lên thì gọi là sinh.

Nói như thế, tức là chỉ bày làm sáng tỏ, phát biểu bằng lời nói rõ ràng về các sự việc đã sinh khởi, gọi đó là sự Tập hợp, chứa nhóm; còn thuần, nghĩa là chỉ mức độ cuối cùng, rốt ráo đầy đủ.

Uẩn khổ lớn, nghĩa là các Tai ương họa nạn lớn nhất, sự ngang trái lo rầu to nhất, tức là các khổ sở đau buồn chiếm phần lớn cuộc đời này.

Do có mười bốn nguyên nhân nên biết Tâm Tánh nhất định là vô thường, nghĩa là vì gia hạnh, vì có tương ứng, vì các oai nghi cử chỉ, vì

nghe nghiệp khéo léo, vì thân nghiệp, vì ngữ nghiệp, vì ý nghiệp, vì các nguyên nhân, vì tất cả không gián đoạn, vì được duyên với, vì duyên Tăng cao, vì nhiễm và không nhiễm, vì thọ nhận khác nhau, sự nghiệp được Tạo dựng chuyển tiếp khác biệt.

Nếu Tâm đã hiểu biết rõ ràng về thời này hoặc là thời khác, các sự nhớ nghĩ đều biết rõ ràng. Tâm Tánh như thế thì không lia Tâm trước. Và lại Tâm Tánh này không lia Tâm trước, do đạo lý ấy mà các Tâm lần lượt nối tiếp. Kể từ lúc xa xưa không có đầu mối bến bờ cho đến nay, các Tâm luôn luôn có thứ lớp. Như thế gọi là khổ Tập thánh đế và theo như thế quan sát khổ Tập thánh đế. Nếu quan sát như thế thì gọi là chánh quán, còn quan sát khác với các điều ấy thì gọi là Tà trí.

Nếu có các tham ái chưa cắt đứt và nhận biết khắp thì nó làm duyên để sinh khởi ra các khổ ở đời sau. Còn như khi các ái này đã đoạn dứt và biết khắp rồi, thì không còn nhân duyên nào khiến các khổ nào sẽ sinh ra ở đời sau nữa. Do đó, các thầy cần nên thấy, cần nên nghe. Như thế các thầy đã lìa bỏ các tham ái mà sống trên thế gian này. Song bây giờ các tham ái đã cắt đứt, đã biết khắp rồi thì không còn nguyên nhân nào để có thể khiến các khổ nào ở đời sau khởi lên được. Thế nên các thầy không còn nghe thấy. Như thế là các thầy đã lìa bỏ các tham ái mà sống trên cõi đời này. Như thế thì gọi là khổ diệt thánh đế. Cứ như thế mà quan sát khổ diệt thánh đế. Nếu quan sát như thế thì gọi là chánh quán. Còn nếu quan sát khác đây thì gọi là Tà trí.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nhãn thức có bốn thứ duyên:

1. Là duyên nhân.
2. Là duyên đẳng vô gián.
3. Là duyên sở duyên.
4. Là duyên Tăng thượng.

Duyên nhân là gì? Nghĩa là điều này đều có các pháp tương ứng v.v...

Duyên đẳng vô gián là gì? Nghĩa là nếu từ đó các Tâm và Tâm pháp đều bình đẳng không gián đoạn; như thế là nhãn thức đã sinh thì chánh thức sinh ra.

Duyên sở duyên là gì? Nghĩa là Tất cả các sắc.

Duyên Tăng thượng là gì? Nghĩa là trừ tự Tánh của Tất cả các pháp khác.

Đó gọi là nhãn thức vốn có bốn thứ duyên, tức là duyên nhân, duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên và duyên Tăng thượng.

Nhãn thức như thế thì cái gì là nhân duyên? Nghĩa là ở đây đều có các pháp tương ứng.

Cái gì là duyên đẳng vô gián? Nghĩa là từ nhãn thức luôn luôn bình đẳng không gián đoạn đã sinh và chính thức sinh ra các Tâm và Tâm pháp.

Cái gì là duyên sở duyên? Nghĩa là có thể duyên với các Tâm và Tâm pháp này.

Cái gì là duyên Tăng thượng? Nghĩa là trừ tự Tánh của Tất cả các pháp.

Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

